

**NGHỊ QUYẾT**

**Sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng  
ban hành thuộc lĩnh vực Nông nghiệp**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 38/2023/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 116/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về chính sách hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật;*

*Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Xét Tờ trình số 3448/TTr-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung các Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực nông nghiệp; Báo cáo thẩm tra số 585/BC-HĐND ngày 07 tháng 11 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại Kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực nông nghiệp.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 45/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định chính sách hỗ trợ công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

1. Sửa đổi tên Nghị quyết như sau:

“Nghị quyết ban hành Quy định chính sách hỗ trợ công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, thủy sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng”.

2. Sửa đổi Điều 1 Nghị quyết số 45/2023/NQ-HĐND như sau:

“Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này các Quy định chính sách hỗ trợ công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, thủy sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.”

3. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định chính sách hỗ trợ công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết số 45/2023/NQ-HĐND như sau:

a) Sửa đổi Điều 1 như sau:

“Quy định này quy định chính sách hỗ trợ cho công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, thủy sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.”

b) Sửa đổi khoản 1, khoản 2 Điều 2 như sau:

“1. Cơ sở sản xuất chăn nuôi, cơ sở sản xuất thủy sản bao gồm: Cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các cơ quan đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân (không bao gồm các doanh nghiệp thuộc lực lượng vũ trang) có hoạt động chăn nuôi; nuôi trồng thủy sản; sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2. Người trực tiếp tham gia thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, thủy sản.”

c) Sửa đổi tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 như sau:

“1. Ngân sách đảm bảo 100% mua vắc-xin tiêm phòng đối với các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm phải áp dụng biện pháp phòng bệnh bắt buộc bằng vắc-xin cho động vật nuôi theo quy định của Luật Thú y và các văn bản hướng dẫn, quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành.”

2. Ngân sách đảm bảo 100% mua vật tư, chất sát trùng để thực hiện công tác chống dịch khi có dịch bệnh gia súc, gia cầm, thủy sản xảy ra trên địa bàn tỉnh và công tác phun khử trùng tiêu độc định kỳ hàng năm do Trung ương, tỉnh phát động.”

d) Sửa đổi điểm a, điểm b khoản 3 Điều 4 như sau:

“3. Hỗ trợ bảo quản, vận chuyển vắc-xin, vận chuyển hóa chất khử trùng, vật tư chống dịch

a) Ngân sách tỉnh hỗ trợ việc bảo quản, vận chuyển vắc-xin; vận chuyển hóa chất khử trùng, vật tư chống dịch.

- Ngân sách đảm bảo 100% kinh phí bảo quản vắc-xin tại kho lạnh bao gồm: Tiền điện, tiền mua xăng dầu chạy máy nổ cấp cho kho lạnh bảo quản vắc-xin khi mất điện.

- Ngân sách đảm bảo 100% kinh phí vận chuyển vắc-xin, hóa chất khử trùng, vật tư phòng chống dịch từ tỉnh đến Trạm dịch vụ nông nghiệp khu vực hoặc từ tỉnh đến các xã.

b) Ngân sách cấp xã hỗ trợ việc bảo quản, vận chuyển vắc-xin, hóa chất khử trùng.

- Ngân sách đảm bảo 100% kinh phí bảo quản vắc-xin trong quá trình vận chuyển; trong quá trình triển khai tiêm phòng.

- Ngân sách đảm bảo 100% tiền xăng xe cho người vận chuyển vắc-xin, hóa chất khử trùng từ Trạm dịch vụ nông nghiệp khu vực hoặc từ xã xuống đến xóm, tổ dân phố.”

đ) Sửa đổi điểm c khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 6 như sau:

“1. Hỗ trợ kinh phí điều trị gia súc bị phản ứng do tiêm phòng vắc-xin

c) Điều kiện thanh toán

- Người trực tiếp chữa trị, chủ hộ có gia súc bị phản ứng và trưởng xóm/tổ dân phố lập biên bản xác định: Loài gia súc, tuổi, tính biệt, khối lượng, thời gian tiêm phòng, loại vắc xin sử dụng; số lượng, đơn giá các loại thuốc chữa trị phản ứng; số lần điều trị gia súc. Biên bản có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Khi có đơn đề nghị hỗ trợ của người trực tiếp chữa trị gia súc, Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định xem xét, ban hành quyết định hỗ trợ theo quy định.

2. Hỗ trợ chủ hộ có gia súc chết do phản ứng khi tiêm phòng vắc xin

b) Điều kiện thanh toán.

- Đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã, trưởng xóm, người trực tiếp tiêm phòng và chủ hộ có gia súc chết lập biên bản xác định: Loài gia súc, tuổi, tính biệt, khối lượng, thời gian tiêm phòng, loại vắc-xin, thời gian chết sau khi tiêm phòng; biên bản có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Khi có đơn đề nghị hỗ trợ của chủ hộ có gia súc chết, Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định xem xét, ban hành quyết định hỗ trợ theo quy định.”

e) Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 10 như sau:

“1. Hỗ trợ trực tiếp cho chủ cơ sở sản xuất chăn nuôi, sản xuất động vật thủy sản có vật nuôi, thủy sản mắc bệnh thuộc diện tiêu hủy bắt buộc.

\* Đối với cơ sở sản xuất động vật trên cạn:

- Đối với Lợn: 40.000 đồng/kg hơi;

- Đối với Trâu, bò, ngựa, dê: 50.000 đồng/kg hơi;

- Đối với Hươu sao: 55.000 đồng/kg hơi;

- Đối với Gà, vịt, ngan, ngỗng, bồ câu: 35.000 đồng/kg hơi;

- Đối với Chim cú: 20.000 đồng/kg hơi;

- Đối với Đà điểu: 50.000 đồng/kg hơi;

- Đối với Trứng gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng, bồ câu, chim cú, đà điểu): 20.000 đồng/kg.

\* Đối với cơ sở sản xuất động vật thủy sản:

- Đối với Cá giống (cá truyền thống, cá rô phi, cá nước lạnh): 10.000 đồng/kg;

- Đối với Diện tích nuôi cá truyền thống, các loài cá bản địa: 10.000.000 đồng/ha;

- Đối với Diện tích nuôi cá rô phi thâm canh: 30.000.000 đồng/ha;

- Đối với Cá nước lạnh (tầm, hồi) nuôi thâm canh: 20.000 đồng/kg;

- Đối với Thủy sản nước ngọt nuôi lồng, bè: 5.000 đồng/kg.

2. Hỗ trợ người tham gia tiêu huỷ gia súc, gia cầm, thủy sản mắc bệnh

Chi phí tiêu huỷ (Đào hố, vận chuyên, chôn lấp, vệ sinh, phun khử trùng tiêu độc...): 1.000.000,đ/ 500kg thịt hơi; hoặc 500kg cá thương phẩm).

3. Hỗ trợ những người trực tiếp tham gia phòng, chống, thống kê dịch bệnh

a) Lực lượng chức năng, người tham gia thực hiện nhiệm vụ tại chốt, trạm chống dịch do cấp tỉnh, cấp xã thành lập, hoạt động 24/24 giờ.

- Người hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 150.000 đồng/người/ngày; ngày lễ, tết: 300.000 đồng/người/ngày.

- Người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 400.000 đồng/người/ngày; ngày lễ, tết: 500.000 đồng/người/ngày.”

g) Sửa đổi khoản 1 và khoản 2 Điều 11 như sau:

“1. Khi phát hiện có dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm (gia súc, gia cầm ốm, chết; thủy sản chết và có biểu hiện lây lan) Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo, huy động các lực lượng tham gia thực hiện ngay các biện pháp chống dịch theo quy định. Nếu dịch bệnh được khống chế kịp thời, không còn nguy cơ lây lan, thì Ủy ban nhân dân xã ra quyết định hỗ trợ người tham gia chống dịch, hỗ trợ cơ sở chăn nuôi có gia súc, gia cầm mắc bệnh; cơ sở sản xuất thủy sản có thủy sản mắc bệnh bắt buộc phải tiêu huỷ.

Đối với trường hợp chưa đủ điều kiện công bố dịch bệnh: Có động vật, sản phẩm động vật tại ổ dịch đầu tiên có kết quả xét nghiệm dương tính với bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch hoặc Danh mục bệnh truyền lây giữa động vật và người hoặc động vật tại ổ dịch tiếp theo trên cùng địa bàn cấp xã (theo quy định của pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương) được cơ quan có thẩm quyền kết luận mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh đối với bệnh đã có kết quả xét nghiệm dương tính tại ổ dịch đầu tiên.

2. Mức hỗ trợ theo khoản 8, Điều 1 của Nghị quyết này”.

h) Sửa đổi khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều 12 như sau:

“1. Mua thiết bị, vắc-xin, hoá chất khử trùng để phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, thủy sản trên địa bàn tỉnh.

2. Hỗ trợ cho việc bảo quản, vận chuyên vắc-xin; vận chuyên hóa chất khử trùng, vật tư chống dịch từ tỉnh đến Trạm dịch vụ nông nghiệp khu vực hoặc từ tỉnh đến các xã.

3. Chi phí hoạt động và hỗ trợ các lực lượng tham gia tại các chốt, trạm phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, thủy sản do Ủy ban nhân tỉnh thành lập.

5. Trong trường hợp kinh phí phòng chống dịch bệnh động vật vượt quá khả năng cân đối Ngân sách của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo bằng văn bản gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tài chính để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định hỗ trợ, cấp bổ sung.”

i) Bãi bỏ Điều 13. Ngân sách cấp huyện.

k) Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

“1. Mua các loại vật tư, hóa chất, dụng cụ cần thiết cho công tác phòng, chống dịch tại địa phương; Chi phí cho việc bảo quản, vận chuyển vắc-xin, hóa chất khử trùng từ Trạm dịch vụ nông nghiệp khu vực hoặc từ xã xuống xóm, tổ dân phố.

2. Hỗ trợ cho người tham gia tiêm phòng, người tham gia phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, thủy sản bị tai nạn lao động; hỗ trợ chủ cơ sở chăn nuôi có gia súc bị phản ứng do tiêm phòng; Hỗ trợ trực tiếp cho chủ cơ sở chăn nuôi có gia súc, gia cầm; chủ cơ sở sản xuất có thủy sản mắc bệnh thuộc diện tiêu hủy bắt buộc.

3. Hỗ trợ chống dịch trong trường hợp công bố dịch; hỗ trợ chống dịch đối với các ổ dịch nhỏ lẻ chưa đủ điều kiện công bố dịch bệnh.

4. Chi trả hỗ trợ cho người do Ủy ban nhân dân cấp xã huy động tham gia chống dịch: tham gia tiêu hủy gia súc, gia cầm, thủy sản mắc bệnh; thực hiện nhiệm vụ tại chốt, trạm chống dịch do cấp xã thành lập; phun khử trùng tiêu độc, vệ sinh phòng bệnh; người thống kê gia súc, gia cầm, thủy sản bị thiệt hại do dịch bệnh khi công bố dịch; và trong trường hợp xử lý các ổ dịch nhỏ lẻ chưa đủ điều kiện công bố dịch.

5. Nguồn kinh phí dự phòng của xã không đủ để thực hiện phòng, chống dịch bệnh, Ủy ban nhân dân cấp xã lập dự toán đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hỗ trợ, cấp bổ sung.”

**Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định nội dung hỗ trợ; mẫu hồ sơ; trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch phương án sản xuất trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng**

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 2 như sau:

“a) Hỗ trợ phát triển sản xuất

- Các hộ nghèo, cận nghèo; trong đó ưu tiên hộ người dân tộc thiểu số, hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ và là lao động duy nhất, trực tiếp nuôi dưỡng người thân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến độ tuổi lao động, hộ sinh sống tại xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn.

- Các doanh nghiệp (*sản xuất, chế biến, kinh doanh*), Hợp tác xã tham gia vào chuỗi giá trị.”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 3 như sau:

“c) Hỗ trợ tối đa không quá 3.000 triệu đồng/dự án, kế hoạch liên kết cấp xã phê duyệt.”

3. Sửa đổi, bổ sung điểm c và điểm d khoản 5 Điều 3 như sau:

“c) Bước 3: Thẩm định dự án, kế hoạch liên kết

- Trình tự thẩm định dự án, kế hoạch liên kết cấp tỉnh

+ Chủ trì liên kết gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ liên kết tới Sở Nông nghiệp và Môi trường.

+ Hội đồng thẩm định cấp tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập, thành phần gồm có: Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường. Các thành viên Hội đồng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án, kế hoạch liên kết; lãnh đạo Sở Tài chính, Sở Dân tộc và Tôn giáo, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh; các ngành, lĩnh vực chuyên môn và chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (*nếu cần thiết*).

- Trình tự thẩm định dự án, kế hoạch liên kết cấp xã

+ Chủ trì liên kết gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ liên kết tới Phòng Kinh tế xã/phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường nơi dự kiến triển khai dự án, kế hoạch.

+ Hội đồng thẩm định cấp xã do Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập, thành phần gồm có: Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã, thành viên là đại diện cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý về tài chính, kế hoạch, đầu tư và cơ quan chuyên môn khác trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã; chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (*nếu cần thiết*).

- Nội dung thẩm định: Nội dung thẩm định phải làm rõ việc đáp ứng về hồ sơ, thủ tục và các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND; sự cần thiết thực hiện dự án, kế hoạch liên kết; phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi để xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (*nếu có*); các rủi ro, phương án tài chính xử lý rủi ro (*nếu có*).

d) Bước 4: Phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết

- Căn cứ ý kiến của Hội đồng thẩm định dự án, kế hoạch liên kết: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng sở, ban, ngành trực thuộc phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết thuộc phạm vi quản lý cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết thuộc phạm vi quản lý cấp xã.

- Nội dung quyết định dự án, kế hoạch liên kết phải bao gồm: Tên dự án, kế hoạch; tên đơn vị chủ trì liên kết, các bên liên kết; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; tổng chi phí, cơ cấu từng nguồn vốn (*ngân sách nhà nước, vốn của đơn vị chủ trì liên kết, vốn tham gia của bên liên kết, vốn tín dụng ưu đãi (nếu có), vốn lồng ghép thực hiện các chính sách (nếu có)*); nội dung, hoạt động và trách nhiệm thực hiện của các bên theo từng nội dung, hoạt động; mức hỗ trợ, tiến độ cấp phát,

thanh toán từ ngân sách nhà nước và dự toán chi tiết theo từng nội dung, hoạt động được hỗ trợ; dự kiến kết quả thực hiện theo năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự án, kế hoạch liên kết; phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (nếu có); nội dung và chi phí hỗ trợ cho hộ gia đình, hoặc người dân thuộc đối tượng hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia; tổ chức quản lý tài sản hình thành sau hỗ trợ (nếu có); phương án tài chính xử lý các rủi ro (nếu có); chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong trường hợp đơn vị chủ trì liên kết vi phạm cam kết và các nội dung khác có liên quan (nếu có).”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 4 như sau:

“5. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án phát triển vùng trồng dược liệu quý thực hiện theo trình tự thẩm định, phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết cấp tỉnh quy định tại khoản 3 Điều này.”

5. Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm d và điểm đ khoản 5 Điều 5 như sau:

“b) Bước 2: Thành lập tổ cộng đồng.

- Trưởng các xóm gửi danh sách đối tượng tham gia dự án cho Ủy ban nhân dân cấp xã; Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập tổ cộng đồng thực hiện dự án.

d) Bước 4: Thẩm định dự án

- Tổ cộng đồng gửi hồ sơ đề xuất dự án đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai thực hiện dự án.

- Hội đồng thẩm định cấp xã thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này.

- Nội dung thẩm định phải làm rõ việc đáp ứng các quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND; sự cần thiết thực hiện dự án sản xuất, dịch vụ; phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi sử dụng vốn nguồn ngân sách nhà nước (nếu có).

đ) Bước 5: Phê duyệt dự án

- Căn cứ ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, dịch vụ do cộng đồng dân cư đề xuất.

- Nội dung quyết định dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, dịch vụ phải bao gồm: Tên dự án; đại diện cộng đồng và danh sách cộng đồng tham gia dự án; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; đối tượng tham gia dự án; các hoạt động của dự án; dự toán kinh phí chi tiết; nguồn kinh phí thực hiện (ngân sách nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi (nếu có), vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia (nếu có)); nội dung, hoạt động và trách nhiệm thực hiện của các bên theo từng hoạt động; mức hỗ trợ, tiền độ cấp phát, thanh toán từ ngân sách nhà nước và dự toán chi tiết theo

từng nội dung, hoạt động được hỗ trợ; dự kiến hiệu quả, kết quả đầu ra của dự án; phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (nếu có); tổ chức quản lý tài sản hình thành sau hỗ trợ (nếu có); hình thức, mức quay vòng (nếu có); giải pháp tài chính xử lý các rủi ro (nếu có); chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết (nếu có).”

### **Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày thông qua.
2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.
3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

### **Điều 4. Quy định chuyển tiếp**

1. Đối với các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện cho đến khi kết thúc dự án, kế hoạch, phương án. Các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất được thẩm định nhưng chưa phê duyệt thì thực hiện theo Nghị quyết này.
2. Đối với hồ sơ đề nghị hỗ trợ thiệt hại do dịch bệnh động vật xảy ra trước ngày 25 tháng 7 năm 2025, thực hiện hỗ trợ theo Nghị quyết số 45/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định chính sách hỗ trợ công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ thiệt hại do dịch bệnh động vật xảy ra sau ngày 25 tháng 7 năm 2025, thực hiện hỗ trợ theo Nghị quyết này.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII, Kỳ họp thứ 37 (chuyên đề) thông qua ngày 10 tháng 11 năm 2025./.*

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ (*để b/c*);
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính; Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Dân tộc và Tôn giáo;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy; Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**Bế Thanh Tịnh**